TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2024/DS-ST
Ngày 17 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Chí Tâm.

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**. Địa chỉ: số B B đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Tố M**, sinh năm 1992 và ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A - A, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 16-10-2023, có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Út L**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Tô Thanh L1**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà **Võ Thị X**. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cho ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0013/18/HDTDTDH-CN/207, ngày 09-01-2018. Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng có nguồn trả nợ từ nông nghiệp.

Về tiền lãi và lãi suất được thỏa thuận như sau:

- Lãi suất cho vay theo hợp đồng là 12%/năm, có thể điều chỉnh.

- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0003/18/HĐBĐ-207 ngày 09-01-2018, thế chấp các tài sản sau đây:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 715, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 371741 do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H ngày 24-10-2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 534602 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Nguyễn Út L ngày 10-10-2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16-10-2023 là 230.280.428 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 126.899.998 đồng, lãi trong hạn 34.163.030 đồng, lãi quá hạn 69.217.400 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16-10-2023 cho đến khi ông Út L và bà H trả hết nợ với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức; khế ước nhận nợ. Trường hợp ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để cho Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H; *người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị Thúy N* đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông Út L, bà H, ông Hoàng A, bà N đều không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh L1, bà Võ Thị Xương c có ý kiến trình bày như sau:

Vào ngày 20-02-2018 âm lịch, ông Tô Thanh L1 và bà Võ Thị X nhận cố đất của ông Nguyễn Văn Ú (Út Bự) và bà Nguyễn Thị H phần đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Số tiền cố đất là 90.000.000 đồng, thời hạn cố đất là 05 năm. Việc cố đất có viết giấy tay, có vợ chồng ông Út L, bà H và người kế cận cùng Trưởng ban N1 xác nhận.

Sau khi nhận đất canh tác, ông bà mới biết phần đất nhận cố nêu trên đã được ông Út L và bà H thế chấp cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà đã biết Ngân hàng yêu cầu phát mãi phần đất để thu hồi nợ nhưng ông bà muốn thỏa thuận với ông Út L và bà H để nhận chuyển nhượng lại phần đất đã cố, đồng thời tạo điều kiện cho họ có tiền trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, nay hai bên đã không thỏa thuận được nên ông, bà sẽ nộp đơn yêu cầu ông Út L và bà H trả lại số tiền cố đất 90.000.000 đồng bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số nợ tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn phải thanh toán là 257.160.604 đồng. Trong đó, nợ gốc quá hạn 126.899.998 đồng, lãi trong hạn 34.163.030 đồng, lãi quá hạn 96.097.576 đồng.

- Các bị đơn ông Nguyễn Út L, bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị Thúy N, bà Võ Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Nguyễn Út L, bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị

Thúy N, bà Võ Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và các bị đơn ông Nguyễn Út L, bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận và ký kết Hợp đồng tín dụng số 0013/18/HDTDTDH-CN/207, ngày 09-01-2018. Theo nội dung hợp đồng thể hiện số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng.

[4] Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu trả lãi: Theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc thỏa thuận lãi, lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày. Cụ thể, mức lãi suất thỏa thuận bằng 12%/năm; áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên yêu cầu của nguyên đơn về phần này là có cơ sở.

[6] Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17-9-2024), các bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 257.160.604 đồng. Trong đó, nợ gốc 126.899.998 đồng, lãi trong hạn 34.163.030 đồng, lãi quá hạn 96.097.576 đồng.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn các quyền sử dụng đất thuộc thửa số 715, tờ bản đồ số 10 và thửa số 102, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị pháp lý, có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký. Nay các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng các tài sản thế chấp theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba đang trực tiếp quản lý, sử dụng nên cần được xem xét, giải quyết cùng với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Cụ thể:

[8] Hiện trạng sử dụng phần đất tại thửa số 102 do ông Tô Thanh L1 và bà Võ Thị X canh tác trên cơ sở nhận cố đất từ ông Nguyễn Út L. Tuy nhiên, việc cố đất phát sinh ngày 20-02-2018 âm lịch, sau khi đã thế chấp. Trong quá trình giải

quyết vụ án đến khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông L1, bà X không có yêu cầu xem xét hợp đồng cố đất để tự thỏa thuận với ông L, bà H. Tại phiên tòa, ông L1 trình bày việc không thỏa thuận được với các bị đơn nên sẽ nộp đơn yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà việc tranh chấp về hợp đồng cố đất của các bên khi nhận được đơn của ông L1 sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Hiện trạng sử dụng phần đất tại thửa số 715 theo các bị đơn trình bày đã cố cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy N. Chị N không canh tác mà giao cho anh ruột của chị là ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp canh tác. Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu các đương sự này cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh nhưng họ không cung cấp và cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết; nếu có tranh chấp mà không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu tổng số tiền là 750.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

1.1. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Út L (Út B) và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền là 257.160.604 đồng. Trong đó, nợ gốc 126.899.998 đồng, lãi trong hạn 34.163.030 đồng, lãi quá hạn 96.097.576 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18-9-2024) cho đến khi ông Nguyễn Út L (Ú) và bà Nguyễn Thị H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, thì hàng tháng ông Nguyễn Út L (Út B) và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền lãi trong hạn và các khoản lãi quá hạn trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0013/18/HDTDTDH-CN/207, ngày 09-01-2018.

1.2. Trường hợp ông Nguyễn Út L (Út B) và bà Nguyễn Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 715, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 371741 do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út L và bà Nguyễn Thị H ngày 24-10-2017.

Khi xử lý tài sản thế chấp, buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Thúy N giao lại phần đất mà ông, bà đang quản lý, sử dụng thuộc thửa số 715, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 534602 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Nguyễn Út L ngày 10-10-2017.

Khi xử lý tài sản thế chấp, buộc ông Tô Thanh L1 và bà Võ Thị X giao lại phần đất mà ông, bà đang quản lý, sử dụng thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn ông Nguyễn Út L (Út Bự) và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.858.030 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí 5.757.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002452 ngày 09-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Út L (Ú) và bà Nguyễn Thị H liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông Nguyễn Út L (Út B) và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 750.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người

đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm